

Bản án số: 30/2023/DS-ST
Ngày 28-3-2023
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản và hủy
Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NÚ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Xuân Long

Ông Nguyễn Thanh Hải

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Tuấn Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 66/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp về hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chia thừa kế tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2023/QĐXX-ST ngày 07 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Khắc Q, sinh năm 196X; địa chỉ: Số T tổ dân phố B, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn K - Luật sư Văn phòng Luật sư T thuộc Đoàn luật sư thành phố Hải Phòng; địa chỉ: Đường H, thị trấn N, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- **Bị đơn:**

+ Ông Nguyễn Khắc V, sinh năm 195Y; địa chỉ: Số X, Tổ dân phố B, phường H, quận Đ, thành phố H; có mặt.

+ Anh Nguyễn Khắc V1; địa chỉ: Số X, Tổ dân phố B, phường H, quận Đ, thành phố H; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ủy ban nhân dân huyện K, thành phố H; vắng mặt.

+ Ủy ban nhân dân quận Đ, thành phố H; vắng mặt.

+ Bà Đỗ Thị U; địa chỉ: Số 121, Tổ dân phố B, phường H, quận Đ, thành phố H; vắng mặt.

+ Chị Phạm Thị H; địa chỉ: Số 121, Tổ dân phố B, phường H, quận Đ, thành phố H; có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị M; ĐKKHTT: Tổ dân phố Q, phường H, quận Đ, thành phố H; có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị M1; ĐKKHTT: Số 2035, tổ dân phố T, phường T, quận D, thành phố H; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 6 năm 2022, và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Nguyễn Khắc Q trình bày:

Bố mẹ đẻ của ông là cụ Nguyễn Khắc Đ và cụ Hoàng Thị N có 04 người con là Nguyễn Khắc V, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị M1 và Nguyễn Khắc Q. Quá trình chung sống cụ Đ và cụ N có diện tích đất 545 m² đất thổ cư tại thôn Thôn Minh Tiến, xã H, huyện K, thành phố Hải Phòng (nay là tổ dân phố B, phường H, quận Đ). Cụ Đ đi bộ đội năm 1968, đã hy sinh năm 1972.

Năm 1984 cụ N có làm đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất với nội dung: “*Cụ Hoàng Thị N, 51 tuổi, địa chỉ, địa chỉ đội 10, xã H, huyện K, Hải Phòng, tờ bản đồ số 7, số thửa 302 có diện tích đất 545m² do ông cha để lại*”.

Theo bản đồ số 7 đo vẽ năm 1984 còn lưu giữ tại phường H, có thửa số 302, diện tích 545m², mang tên Hoàng Thị N. Theo sổ mục kê và tờ bản đồ số 34 thửa số 213 đo vẽ năm 1995, mang tên Hoàng Thị N có diện tích 520m².

Lúc nhỏ, ông Q cùng các anh chị em sống với cụ N tại thửa đất trên. Sau này trưởng thành ông Q cùng các chị xây dựng gia đình và ra ở riêng. Còn ông V vẫn ăn ở với cụ N trên thửa đất từ năm 1986. Quá trình ăn ở trên thửa đất, ông Q không có công xây dựng, tôn tạo thửa đất. Đến năm 1992, cụ N ra ở cùng với ông Q. Từ đó, ông V cùng gia đình ăn ở trên thửa đất này không có ai phản đối gì. Năm 1995 ông V đã tự ý phá dỡ toàn bộ căn nhà cũ của cụ N và cụ Đ để xây nhà mới nhưng không ai có ý kiến gì. Sau đó, năm 2004 con trai ông V là anh Nguyễn Khắc V1 có xây dựng gia đình nên ông V có chia đất xây nhà cho con trai; các chị em ông Q và cụ N đều biết nhưng không ai có ý kiến gì (có lời khai của các anh chị em trong nhà). Khoảng đầu năm 2010 cụ N lại về ở cùng với ông V. Đến năm 2011 thì cụ Hoàng Thị N mất, không để lại di chúc.

Thời gian đầu, cụ N mất các anh chị em trong gia đình vẫn hòa thuận, qua lại tổ chức thờ cúng tại nhà ông V cúng hàng năm. Đến khoảng năm 2020 thì ông V và ông Q xuất hiện mâu thuẫn. Sau đó, ông Q tìm hiểu mới biết năm 2004 ông Nguyễn Khắc V đã đề nghị xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 213, tờ bản đồ số 34 có diện tích 485m², anh Nguyễn Khắc V1 là con trai ông V đã xin cấp GCNQSDĐ tại thửa đất số 213A, tờ bản đồ số 34 có diện tích 163m². Đến năm 2005, Ủy ban nhân dân huyện K đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông V và anh V1.

Vì vậy, ông Q yêu cầu:

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Khắc V, có diện tích 485m² thửa 213, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: 01316, tại Tổ dân phố B, phường H, quận Đ, thành phố H.

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Nguyễn Khắc V1, diện tích 163m² thửa 213, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: 01308, tại Tổ dân phố B, phường H, quận Đ, thành phố H.

Chia di sản thừa kế của bố, mẹ của ông Nguyễn Khắc Q là diện tích 485m² đất thổ cư tại Tổ dân phố B, phường H, quận Đ, thành phố H theo quy định của pháp luật.

Tại các biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, bị đơn là ông Nguyễn Khắc V trình bày:

Ông có bố là Nguyễn Khắc Đ và mẹ là Hoàng Thị N, bố mẹ ông có 04 người con như nguyên đơn trình bày. Gia đình ông V có 01 thửa đất tại số 121 tổ dân phố B, phường H, quận Đ, Hải Phòng. Thửa đất này có nguồn gốc do các cụ đảng nội nhà ông V để lại. Do bố ông là trưởng họ nên đã được giao quản lý thửa đất trên. Khi bố ông mất năm 1972 thì mọi người trong gia đình đều thống nhất để mẹ ông là cụ Hoàng Thị N cùng các con ăn ở và quản lý thửa đất trên. Sau này, các em của ông V lấy chồng ra ở riêng. Đến năm 1984 ông Nguyễn Khắc Q đi bộ đội về thì ông V có ý kiến nếu ông Q ở lại thửa đất này thì ông và vợ sẽ ra ngoài ở nhưng ông Q không ở lại thửa đất trên và bảo ông V cho 300.000 đồng, đóng 2 vạn gạch và cho 02 cây bạch đàn để ra ngoài tự làm nhà riêng ở.

Còn gia đình ông V cùng gia đình vẫn ăn ở sinh sống trên thửa đất với cụ Hoàng Thị N. Đến năm 1985 thì bà Hoàng Thị N đã giao lại thửa đất của gia đình cho ông V quản lý. Việc bàn giao này toàn bộ các anh chị em trong gia đình đều biết. Quá trình quản lý sử dụng thửa đất, ông V đã phá dỡ toàn bộ căn nhà cũ của cụ N và cụ Đ để xây nhà mới. Thời điểm này, cụ N (còn sống) và các anh chị em trong gia đình đều biết và không có ý kiến gì. Đến năm 2004 do con trai của ông V là anh Nguyễn Khắc V1 xây dựng gia đình nên ông V đã cất đất, xây nhà cho con trai. Cụ N và các anh chị em trong gia đình không ý kiến gì.

Đến năm 2004, do UBND huyện K có chủ trương làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân. Vì vậy, ông V có chở cụ N đến Ủy ban nhân dân xã H,

huyện K, (nay là ủy ban nhân dân phường H, quận Đ) Hải Phòng để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông V và con trai là Nguyễn Khắc V1 thửa đất trên. Sau đó, Ủy ban nhân dân xã H (nay là phường H) đã thành lập đoàn công tác xuống nhà ông V đo đạc, xem xét nguồn gốc thửa đất và xin ý kiến của các thành viên trong gia đình để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông V và anh V1. Đến năm 2005 thì gia đình ông V và anh V1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì gia đình ông V và anh V1 ăn ở ổn định trên đất không bị ai khiếu nại và có tranh chấp gì với ai.

Năm 2011 cụ Hoàng Thị N mất. Đến năm 2020 do mâu thuẫn với ông Q nên sau đó ông Q mới làm đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế. Nay ông Q có đơn yêu cầu chia thừa kế và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông V không đồng ý và đề nghị xem xét về thời hiệu chia thừa kế của cụ Đ đối với thửa đất trên.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Nguyễn Thị M1 có ý kiến:

Về nguồn gốc thửa đất và quá trình sử dụng thửa đất như ông Q trình bày, bà không có ý kiến gì. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Quyền thì bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Nguyễn Thị M có ý kiến:

Nguồn gốc thửa đất tại địa chỉ số 121 tổ dân phố B, phường H, quận Đ, Hải Phòng là của các cụ đằng nội để lại. Do bố bà là cụ Nguyễn Khắc Đ là con trai trưởng nên được ăn ở trên đất để thờ cúng các cụ. Năm 1968 cụ Đ đi bộ đội, đến năm 1972 cụ Đ hi sinh. Sau đó, mẹ bà là cụ Hoàng Thị N cùng các con ăn ở tại thửa đất trên. Khi cụ N còn sống thì các cụ trong dòng họ và cụ N cùng các chị em trong gia đình đã thống nhất để thửa đất này cho anh trưởng là ông V cùng gia đình ăn ở để thờ cúng các cụ. Từ đó, trong gia đình, họ tộc không ai có ý kiến gì, kể cả sau khi cụ N mất năm 2011.

Đối với việc ông Q yêu cầu chia thừa kế thửa đất trên thì bà M không đồng ý vì: Thửa đất này của các cụ để lại cho con trai trưởng để thờ cúng tổ tiên; mặt khác cụ Đ mất năm 1972 đến nay thời hiệu chia thừa kế đã hết; khi cụ N còn sống cũng không ai có ý kiến phản đối gì việc anh V ăn ở, xây dựng nhà cửa và chia đất cho con. Bà M đề nghị Tòa án xem xét áp dụng thời hiệu chia thừa kế đối với tài sản của cụ Đ.

Bị đơn anh Nguyễn Khắc V1; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Nguyễn Thị U, chị Phạm Thị H; Ủy ban nhân dân huyện K, Hải Phòng, Ủy ban nhân dân quận Đ, Hải Phòng mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không lên làm việc.

Theo kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân phường H và Ủy ban nhân dân quận Đ, Hải Phòng thể hiện:

Năm 1984 cụ Hoàng Thị N có đơn đăng ký quyền sử dụng đất và được UBND xã H chỉnh lý ghi vào sổ mục kê (Theo bản đồ số 7 do vẽ năm 1984 còn lưu giữ tại phường H, có thửa số 302, diện tích 545m² loại ruộng đất T/55 nguồn gốc do ông cha để lại). Theo sổ mục kê và tờ bản đồ số 34 thửa số 213 do vẽ năm 1995, mang tên Hoàng Thị N có diện tích 520m².

Đối với nguồn gốc đất từ năm 1984 trở về trước, Ủy ban nhân dân phường H và Ủy ban nhân dân quận Đ không nắm được do không còn lưu giữ sổ sách. Từ năm 1982 đến 2004, thửa đất số 213, tờ bản đồ số 34, địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện K, Hải Phòng đứng tên chủ sử dụng là cụ Hoàng Thị N; Đến năm 2005 Ủy ban nhân dân huyện K đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Khắc V và bà Đỗ Thị U có diện tích 485m² thửa 213, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: 01316, tại Tổ dân phố B, phường H, quận Đ, thành phố H; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Nguyễn Khắc V1 và chị Phạm Thị H diện tích 163m² thửa 213a, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: 01308, tại Tổ dân phố B, phường H, quận Đ, thành phố H.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thẩm định, định giá tài sản. Tuy nhiên, do đương sự không hợp tác nên không thể tiến hành thẩm định, định giá tài sản trên đất, mà chỉ tiến hành thẩm định, định giá diện tích đất đang có tranh chấp:

Thửa đất số 134 (số cũ 213) tờ bản đồ số 95 (số cũ là 34); địa chỉ: Tổ dân phố B, phường H, quận Đ, Hải Phòng có diện tích 322 m²; số vào sổ CGCNQSDĐ: 01316/KT-07-Q1 đứng tên ông Nguyễn Khắc V và bà Đỗ Thị U;

Thửa đất số 135 (số cũ 213a) tờ bản đồ số 95 (số cũ là 34); địa chỉ: Tổ dân phố B, phường H, quận Đ, Hải Phòng có diện tích 163 m²; số vào sổ CGCNQSDĐ: 01316/KT-07-Q1 đứng tên anh Nguyễn Khắc V1 và chị Phạm Thị H;

Giá đất hiện tại trên thị trường của 02 thửa đất trên là 19.500.000 đồng/1m²

Do không thể khảo sát được cụ thể hiện trạng hai thửa đất nên Hội đồng định giá tài sản không tiến hành xem xét thẩm định, định giá tài sản trên đất được.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về yêu cầu khởi kiện: Nguồn gốc thửa đất đang có tranh chấp xác định là của cụ Hoàng Thị N và cụ Nguyễn Khắc Đ để lại.

Đối với phần di sản của cụ N: Thực tế quá trình sử dụng ổn định, tạo lập các công trình, kiến trúc trên đất của gia đình ông V từ năm 1985 đến năm 2011 không nảy sinh tranh chấp với cụ N, cũng như các đồng thừa kế khác của cụ Đ. Do đó cần phải xem xét áp dụng theo hướng dẫn của Án lệ số 03/2016/AL ngày 6/4/2016 của

Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xác định gia đình ông V đã được cụ N tặng cho phần đất thuộc quyền sở hữu hợp pháp của cụ, từ khi cụ còn sống.

Đối với phần di sản của cụ Đ để lại: tính đến thời điểm tranh chấp, theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của ông V, bà M thì diện tích đất này được xác định là đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Pháp lệnh thừa kế năm 1990 và Điều 623 **Bộ luật Dân sự nên đình chỉ giải quyết đối với phần di sản thừa kế của cụ Đ**. Diện tích đất này sẽ thuộc quyền sở hữu của người đang thực tế quản lý di sản là ông V và anh V1.

Vì vậy, không có cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Khắc Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về thừa kế tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 5 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn có yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 5 Điều 26, khoản 4 Điều 34 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn là anh Nguyễn Khắc V1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân huyện K, Ủy ban nhân dân quận Đ, bà Đỗ Thị U đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án có triệu tập chị Nguyễn Thị M, chị Nguyễn Thị H là các con của ông V tham gia tố tụng với vai trò là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị M và H có đơn cũng như trình bày trực tiếp tại phiên tòa các chị không có công sức đóng góp đối với diện tích nhà đất trên. Các chị không có yêu cầu gì và từ chối tham gia vụ án. Do vậy Hội đồng xét xử xác định chị M, chị H không còn là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án.

[3] Về thời hiệu chia thừa kế:

Theo giấy chứng nhận liệt sĩ, thì cụ Nguyễn Khắc Đ đã hi sinh vào ngày 08 tháng 6 năm 1972. Vì vậy, thời điểm mở thừa kế của cụ Đ được tính từ ngày 30/8/1990. Ông V và bà M (con của cụ Đ) yêu cầu Tòa án xem xét về thời hiệu. Như vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 623 bộ luật dân sự, thì yêu cầu chia thừa kế đối với phần tài sản của cụ Nguyễn Khắc Đ đến nay đã hết.

Theo giấy chứng tử do Ủy ban nhân dân phường H cung cấp, cụ Hoàng Thị N chết vào ngày 29 tháng 07 năm 2011. Vì vậy, thời điểm mở thừa kế của cụ N được xác định là ngày 29 tháng 07 năm 2011. Theo quy định tại khoản 1 Điều

623 Bộ luật dân sự, yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Khắc Q đối với phần tài sản của cụ Hoàng Thị N trong thời hiệu khởi kiện.

[4] Về nguồn gốc thửa đất đang có tranh chấp: Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thống nhất nguồn gốc thửa đất thửa đất số 213, tờ bản đồ số 34 diện tích 485m² và thửa đất số 213a, tờ bản đồ số 34 diện tích 163m²; địa chỉ thửa đất: Thôn M, xã H, huyện K, Hải Phòng, của cụ Nguyễn Khắc Đ (hi sinh năm 1972) và mẹ là Hoàng Thị N (mất năm 2011).

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân quận Đ và UBND phường H về nguồn gốc thửa đất thửa đất số 213, tờ bản đồ số 34 diện tích 485m² và thửa đất số 213a, tờ bản đồ số 34 diện tích 163m²; địa chỉ thửa đất: Thôn M, xã H, huyện K, Hải Phòng, thể hiện: Năm 1984 cụ Hoàng Thị N có đơn đăng ký quyền sử dụng đất và được UBND xã H chỉnh lý ghi vào sổ mục kê (Theo bản đồ số 7 do vẽ năm 1984 còn lưu giữ tại phường H, có thửa số 302, diện tích 545m² loại ruộng đất T/55 nguồn gốc do ông cha để lại). Theo sổ mục kê và tờ bản đồ số 34 thửa số 213 do vẽ năm 1995, mang tên Hoàng Thị N có diện tích 520m². Từ năm 1984 trở về trƯ, thửa đất trên có nguồn gốc thế nào, địa phương không nắm được do không còn lưu giữ hồ sơ.

Theo lời khai của ông Nguyễn L, nguyên cán bộ địa chính xã H, lời khai của ông Trần Quang L nguyên là đội trưởng đội sản xuất số 10 kiêm phó thôn M (nay là Tổ dân phố B), người thân trong gia đình và các bậc cao niên trong tổ dân phố đều thể hiện: Thửa đất trên có nguồn gốc của các cụ đảng nội nhà ông Q để lại cho bố mẹ ông Q là cụ Hoàng Thị N và cụ Nguyễn Khắc Đ

Từ những phân tích trên cho thấy, mặc dù năm 1984 cụ Hoàng Thị N có đơn đăng ký quyền sử dụng đất và được UBND xã H chỉnh lý ghi vào sổ mục kê. Tuy nhiên, theo quy định khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai 2013 và khoản 1 Điều 18 Nghị định 43/2014/NĐ-CP, hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ổn định mà có sổ mục kê lập trƯ ngày 18/12/1980 thì được cấp Giấy chứng nhận và không phải nộp tiền sử dụng đất. Như vậy, sổ mục kê năm 1984 không phải là căn cứ để xác định thửa đất đang có tranh chấp là của cụ N. Mặt khác, bản kê khai cụ N cũng ghi nguồn gốc thửa đất do ông cha để lại.

Như vậy, căn cứ vào lời khai của các đương sự và các tài liệu khác trong hồ sơ có thể xác định, thửa đất đang có tranh chấp có là tài sản chung của cụ Hoàng Thị N và cụ Nguyễn Khắc Đ.

[5] Quá trình sử dụng thửa đất: Sau khi cụ N kê khai sử dụng thửa đất từ năm 1984 thì ông V đã ăn ở sinh sống cùng cụ N trên thửa đất trên. Sau này các em của ông V xây dựng gia đình đã ra ngoài ăn ở sinh sống, từ đó ông V đã ăn ở cùng cụ N trên thửa đất này. Năm 1995 ông V đã phá ngôi nhà cũ của bố mẹ để lại xây dựng nhà mới hiện tại. Năm 2004 ông V và chia đất xây nhà cho con trai là anh Nguyễn Khắc V1. Tại các thời điểm này, cụ N và các em của ông V biết việc ông V xây nhà, bán một phần đất, cất đất xây nhà cho con trai nhưng cũng không ý kiến

gì. Đến năm 2005 Ủy ban nhân dân huyện K đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Khắc V và bà Đỗ Thị U có diện tích 485m² thửa 213, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: 01316, tại Tổ dân phố B, phường H, quận Đ, thành phố H; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Nguyễn Khắc V1 và chị Phạm Thị H diện tích 163m² thửa 213a, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: 01308, tại Tổ dân phố B, phường H, quận Đ, thành phố H.

Sau khi cụ N mất năm 2011, gia đình anh em hòa thuận nên ông Q cùng các chị vẫn qua lại nhà ông V thờ cúng hàng năm nhưng không xảy ra tranh chấp hay khiếu kiện gì về thừa kế. Tuy nhiên, đến khoảng đầu năm 2020 do mâu thuẫn giữa ông Q và ông V nên ông Q mới khởi kiện yêu cầu chia thừa kế tài sản.

Theo lời khai của ông Nguyễn L, nguyên cán bộ địa chính xã H; lời khai của ông Trần Quang L nguyên là đội trưởng đội sản xuất số 10 kiêm phó thôn M (nay là Tổ dân phố B), lời khai của ông Nguyễn Văn H công chức địa chính xây dựng: Năm 2004, do chủ trương chính sách của nhà nước, chính quyền địa phương đã rà soát nguồn gốc các thửa đất và xin ý kiến của các gia đình để làm hồ sơ đề nghị UBND huyện K cấp GCNQSDĐ. Việc cấp GCNQSDĐ là công khai, khi đo đạc đất, kê khai làm thủ tục, UBND xã thành lập tổ công tác đến tận các hộ gia đình trong xã để tiến hành đo đạc, lập bản đồ, do đó tất cả người dân trong xã đều biết (các con của cụ N và cụ Đ đều ở trong xã). Bản thân cụ N cùng các con của cụ N đều biết việc UBND phường H làm thủ tục cấp GCNQSDĐ cho ông V và anh V1 nhưng không ý kiến gì. Thực tế, bản thân ông Nguyễn Khắc Q cũng kê khai và được cấp GCNQSDĐ cùng thời điểm năm 2004.

Quá trình xác minh tại khu dân cư, người thân trong gia đình và tổ dân phố đều thể hiện: Cụ Hoàng Thị N cùng các con ăn ở trên thửa đất này. Sau này, các con của cụ N lớn xây dựng gia đình ra ở riêng chỉ còn ông V ăn ở sinh sống cùng cụ N trên thửa đất này. Do ông V là con trai trưởng, các em của ông V đều đã có chỗ ăn ở nên cụ N cho ông V thửa đất trên để thờ cúng tổ tiên.

[6] Theo kết quả xem xét, thẩm định, định giá tài sản trên đất đang tranh chấp:

Thửa đất số 134 (số cũ 213) tờ bản đồ số 95 (số cũ là 34); địa chỉ: Tổ dân phố B, phường H, quận Đ, Hải Phòng có diện tích 322 m²; số vào sổ CGCNQSDĐ: 01316/KT-07-Q1 đứng tên ông Nguyễn Khắc V và bà Đỗ Thị U.

Thửa đất số 135 (số cũ 213a) tờ bản đồ số 95 (số cũ là 34); địa chỉ: Tổ dân phố B, phường H, quận Đ, Hải Phòng có diện tích 163 m²; số vào sổ CGCNQSDĐ: 01316/KT-07-Q1 đứng tên anh Nguyễn Khắc V1 và chị Phạm Thị H.

[7] Từ những phân tích ở [3] [4] [5] [6] nhận thấy thửa đang có tranh chấp có diện tích là 485 m², có địa chỉ: Thôn Minh Tiến, xã H, huyện K, Hải Phòng (địa chỉ hiện tại: Tổ dân phố B, phường H, quận Đ, thành phố H) là tài sản chung của cụ Nguyễn Khắc Đ và cụ Hoàng Thị N. Cụ Đ chết năm 1972 như vậy

phần di sản thừa kế của cụ Đ là 1/2 thửa đất đang có tranh chấp tương đương với diện tích 242,5 m². Bị đơn là ông Nguyễn Khắc V đề nghị áp dụng thời hiệu chia thừa kế đối với phần di sản của cụ Nguyễn Khắc Đ. Ông Q, bà M, bà M1 trình bày không xây dựng tôn tạo gì trên thửa đất. Căn cứ khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự, yêu cầu chia thừa kế đối với phần tài sản của cụ Nguyễn Khắc Đ đến nay đã hết, phần di sản thừa kế của cụ Đ được giao cho chủ sử dụng là ông Nguyễn Khắc V và anh V1.

[8] Trong quá trình giải quyết tại Tòa án, mặc dù ông V không xuất trình được tài liệu chứng minh cụ Hoàng Thị N có văn bản tặng cho ông V phần di sản thừa kế của mình. Tuy nhiên, các đương sự đều thừa nhận vợ chồng ông V ăn ở trên thửa đất có tranh chấp từ năm 1985 đến nay. Trong quá trình ăn ở trên thửa đất, ông V có bán một phần diện tích đất, phá nhà cũ của cụ Đ và cụ N đi xây lại trong khi cụ N còn sống tại đây, cụ N và các anh chị em của ông V đều biết nhưng không có ý kiến gì. Quá trình sử dụng đất, năm 2004 ông V có chia đất cho con trai là Nguyễn Khắc V1 để xây nhà, phần đất của ông V và anh V1 có khuôn viên riêng, lúc này cụ N và các anh chị em ông V cũng biết nhưng không có ý kiến gì.

Qua xác minh tại địa phương thể hiện năm 2004 Ủy ban nhân dân xã H (nay là phường H) có tổ chức cho các hộ dân trong xã đăng ký kê khai để xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng. Tất cả các hộ dân trong xã đều được biết về chủ trương kê khai đất này (bản thân ông Nguyễn Khắc Q cũng kê khai và làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong thời gian này). Cụ N là chủ đất nhưng không đi kê khai. Ông V, anh V1 đang ở trên đất và là người đi kê khai làm thủ tục cấp giấy chứng nhận. Đến năm 2005, gia đình ông V và gia đình anh V1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cụ N và các anh chị em trong gia đình ông V đều biết việc xây dựng của gia đình ông V và gia đình anh V1, nhưng cũng không ai có ý kiến gì. Từ khi được cấp giấy chứng nhận (2005) cho đến năm 2020 cũng không ai có khiếu nại gì về việc cấp đất, xây nhà này. Do đó, việc ông Q khai rằng ông V, anh V1 tự ý kê khai giấy tờ đất, ông Q không biết là không có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích trên cho thấy, lúc còn sống trên thực tế cụ N đã cho ông V diện tích đất trên dưới sự đồng thuận của các ông bà Q, M, M1. Như vậy, cần xác định lời khai của ông V về việc cụ N đã cho ông V diện tích đất trên, là có căn cứ. Do đó, việc ông Q yêu cầu chia phần di sản là tài sản thừa kế của cụ N là không có cơ sở chấp nhận.

[9] Do yêu cầu chia thừa kế của ông Q không được chấp nhận nên không có căn cứ hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông V và gia đình anh V1.

[10] Về án phí dân sự: Ông Q là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 35, 39, 147, 157, 165, 227, 228, 233, 235, 259 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 242; khoản 2 Điều 176 của Bộ luật Dân sự năm 1995; Khoản 1 Điều 623 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Khắc Q về việc đề nghị:

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Khắc V, có diện tích 485m² thửa 213, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: 01316, tại Tổ dân phố B, phường H, quận Đ, thành phố H.

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Khắc V1, diện tích 163m² thửa 213, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: 01308, tại Tổ dân phố B, phường H, quận Đ, thành phố H.

Chia di sản thừa kế của bố, mẹ của ông Nguyễn Khắc Q là diện tích 485m² đất thổ cư tại Tổ dân phố B, phường H, quận Đ, thành phố H theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Khắc Q. Trả lại cho ông Nguyễn Khắc Q số tiền 12.000.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm (Biên lai số 551 ngày 07/6/2022 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng).

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS thành phố Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ TẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Hà

